|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ  **TỔ: SINH HỌC - KTCN** | **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2021 – 2022**  **Môn: SINH HỌC – Khối lớp 10**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**HÌNH THỨC KIỂM TRA: 60% TỰ LUẬN + 40% TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN.**

| **Tên chủ đề** | **Nhận biết (40%)** | **Thông hiểu (30%)** | **Vận dụng thấp (20%)** | **Vận dụng cao (10%)** | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TNKQ  TL | TNKQ  TL | TNKQ  TL | TNKQ  TL |  |
| **Chủ đề 1:**  **Thế giới sống** | - Các cấp tổ chức sống cơ bản.  - Các đặc điểm nổi trội của các tổ chức sống.  Nêu vai trò của giới thực vật, giới động vật | - Các nhóm sinh vật trong từng giới của hệ thống phân loại 5 giới.  - Các đặc điểm của giới thực vật, động vật |  |  |  |
| Số câu | 2 | 1 |  |  | **3** |
| Điểm | 1,4 | 0,4 |  |  | **1,8** |
| **Các nguyên tố hóa học và nước** | -Liệt kê được một vài các nguyên tố hóa học chủ yếu tham gia cấu tạo nên cơ thể sống  Thế nào là nguyên tố đa lượng, vi lượng, cho ví dụ | - Phân biệt vai trò của nguyên tố đại lượng vi lượng.  - Nêu vai trò của nước đối với sự sống. |  |  |  |
| Số câu | 1 | 1 |  |  | **2** |
| Điểm | 0,4 | 1,0 |  |  | **1,4** |
| **Chủ đề 3: Cacbohidrat và lipit** | Nêu vai trò của lipit và cacbohydrat đối với cơ thể sống. | - | Phân biệt được sự khác nhau giữa mỡ động vật và dầu ăn. Giải thích được một số hiện tượng thực tế trong chế độ dinh dưỡng như hạn chế sử dung mỡ động vật, khẩu phần ăn của trẻ em phải bổ sung thêm lipit … |  |  |
| Số câu | 1 |  | 1 | 0 | **2** |
| Điểm | 1 |  | 0,4 | 0 | **1,4** |
| **Chủ đề: Protein** | - Các bậc câu trúc của protein  - Đơn phân của protein  - Cấu trúc bậc 1 của protein | -Xác định được các chức năng của protein đối với tế bào.  - Giải thích về sự đa dạng của protein. | -Giải thích được tại sao phải ăn đa dạng các loại thực phẩm khác nhau.  - Giải thích đươc sự biến tính của protein trong một số trường hợp. |  |  |
| Số câu | 1 | 1 | 1 |  | **3** |
| Điểm | 0,4 | 1,0 | 0,4 |  | **1,8** |
| **Chủ đề 5: Axit nucleic** |  | - Hiểu nguyên tắc cấu tạo, phân biệt các loại đơn phan của AND và ARN  -Hiểu chức năng của phân tử AND và ARN |  | Nêu được sự khác nhau trong cấu trúc không gian giữa phân tử AND và ARN |  |
| Số câu |  | 1 |  | 1 | **2** |
| Điểm |  | 0,4 |  | 0,4 | **0,8** |
| **Chủ đề: Tế bào nhân sơ** | - Đặc điểm của tế bào nhân sơ;  - Sinh vật đại diện của tế bào nhân sơ. | - Vì sao gọi là sinh vật nhân sơ?  - Vai trò của từng thành phần cấu tạo tế bào nhân sơ.  - Nêu những lợi thế của sinh vật nhân sơ. | - Nêu các biện pháp bảo vệ sức khỏe. | - Phân biệt các nhóm vi khuẩn để ứng dụng vào y học. |  |
| **Tổng số câu** | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| **Tổng điểm** | 0,4 | 0,4 | 1 | 1 | 2,8 |
| **Tổng câu** | **6** | **5** | **3** | **2** | **16** |
| **Tổng điểm** | **3,6** | **3,2** | **1,8** | **1,4** | **10** |